

KẾ HOẠCH**triển khai thực hiện Đề án “Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030” năm 2026**

Để triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của Đề án số 20-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây viết tắt là Đề án số 20-ĐA/TU), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên xây dựng Kế hoạch thực hiện năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Quán triệt sâu sắc các mục tiêu và nhiệm vụ của Đề án số 20-ĐA/TU, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Cụ thể hoá các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm triển khai thực hiện Đề án trong năm 2026, tạo nền tảng vững chắc và động lực đột phá để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Yêu cầu

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch chi tiết năm 2026 để tổ chức triển khai thực hiện. Việc triển khai thực hiện phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên kiểm tra, giám sát và định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm để đề ra các giải pháp kịp thời.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2026

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 4%; cơ cấu tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản trong cơ cấu kinh tế của tỉnh 10,4%.

- Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt đạt 126 triệu đồng/ha; sản lượng lương thực có hạt đạt 590.800 tấn; sản lượng chè búp tươi đạt trên 277.760 tấn; sản lượng thịt hơi các loại 263.000 tấn; sản lượng thủy sản đạt 23.100 tấn; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 700.000 m³.

- Tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè đạt trên 16,8 nghìn tỷ đồng. Có trên 40% diện tích chè được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; trên 22% diện tích chè được cấp mã số vùng trồng.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với quản lý và bảo vệ rừng bền vững, đẩy mạnh dịch vụ hấp thụ các - bon và phát triển thị trường tín chỉ các - bon rừng. Duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng từ 60% trở lên.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%.

- Có thêm 20 sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên.

- Phấn đấu năm 2026 có 19% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (*theo khung chỉ tiêu mới*).

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn phấn đấu tăng gấp từ 1,2 lần trở lên so với năm 2025.

- Tỷ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030*) duy trì mức giảm trên 1,5 điểm%.

- Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định đạt 63% trở lên.

- Hoàn thành sắp xếp 270 hộ dân ra khỏi vùng nguy hiểm bởi thiên tai.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững

1.1. Phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng an toàn, hữu cơ

Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt trên 1,2%. Cơ cấu lại nông nghiệp, trong đó giảm dần lĩnh vực trồng trọt. Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt đạt 126 triệu đồng.

- *Phát triển sản xuất, nâng cao giá trị, thương hiệu sản phẩm chè:* Năm 2026, diện tích chè toàn tỉnh đạt trên 22.610 ha, sản lượng đạt trên 277.760 tấn; trên 40% diện tích chè được chứng nhận tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; 22% diện tích chè được cấp mã số vùng trồng; các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè đảm bảo quy định an toàn thực phẩm; 80% doanh nghiệp, hợp tác xã có vùng nguyên liệu chè ứng dụng công nghệ số

trong canh tác, quản lý chuỗi, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm; có 205 sản phẩm trà được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 3-5 sao; 80% sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được tiêu thụ trên các nền tảng số.

- *Phát triển cây ăn quả chủ lực, đặc sản*: Duy trì diện tích cây ăn quả có múi hiện có, đầu tư thâm canh, sử dụng giống mới, phù hợp với thị hiếu thị trường, phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương. Ưu tiên phát triển thành vùng chuyên canh cây ăn quả, sản xuất an toàn, hữu cơ, rải vụ...

- *Sản xuất đảm bảo an ninh lương thực*: Năm 2026, sản lượng lúa (thóc) đạt 463.100 tấn, trong đó 60% diện tích sử dụng giống lúa năng suất, chất lượng, giống lúa đặc sản, bản địa (*nếp Thầu Dầu, nếp Vải, nếp Khẩu Nua Léch, nếp Tài, ...*); có trên 50% diện tích gieo trồng lúa áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất lúa an toàn, bền vững (*IPM, IPHM, SRI, GAP, hữu cơ, tưới ướt khô xen kẽ,...*) nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm lúa gạo và bảo vệ môi trường. Rà soát, chuyển đổi 1.200 ha sang trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao hơn, trồng lúa kết hợp nuôi thủy sản.

- *Phát triển mở rộng sản xuất rau, hoa*: Năm 2026, sản lượng rau các loại đạt trên 321.000 tấn. Mở rộng diện tích gieo trồng những loại rau bản địa có thị trường tiêu thụ tốt như: Bí thơm, Bò khai,... Duy trì những vùng sản xuất rau, hoa tập trung, ưu tiên rà soát những vùng có điều kiện sản xuất phù hợp để sản xuất thâm canh ứng dụng công nghệ cao, an toàn, hữu cơ, trái vụ.

- *Phát triển cây dược liệu*: Mở rộng diện tích trồng cây dược liệu (*không tính cây hồi, quế*). Trong đó, tập trung mở rộng diện tích trồng các loại cây dược liệu quý, sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn thực hành tốt trồng trọt và thu hái của Tổ chức Y tế thế giới (GACP-WHO).

1.2. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi an toàn dịch bệnh

Cơ cấu lại nông nghiệp, trong đó tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi. Tập trung phát triển chăn nuôi theo quy hoạch; ưu tiên, đầu tư, phát triển một số ngành hàng chính, có nhiều tiềm năng phát triển, gồm:

- *Chăn nuôi lợn*: Sử dụng các giống cao sản, mở rộng quy mô đàn lợn chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung quy mô lớn, tuần hoàn, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm; chăn nuôi truyền thống với các giống bản địa, lợn lai giữa giống cao sản và giống bản địa. Năm 2026, quy mô đàn đạt 850 nghìn con, sản lượng thịt hơi đạt 121.140 tấn.

- *Chăn nuôi gia cầm*: Phát triển các trang trại và các cơ sở chăn nuôi sản xuất hàng hóa lớn theo hướng chăn nuôi công nghiệp với quy mô phù hợp, tập trung tại các địa phương khu vực phía Nam của tỉnh. Năm 2026, tổng đàn gia cầm đạt 19,5 triệu con (*trong đó đàn gà 18,6 triệu con*); sản lượng thịt hơi đạt 124.800 tấn (*thịt gà 119.800 tấn*); sản lượng trứng 466 triệu quả.

- *Chăn nuôi đại gia súc*: Tập trung chăn nuôi trâu, bò thịt hàng hóa ở các địa phương khu vực phía Bắc của tỉnh và bố trí diện tích đất trồng cỏ để chăn nuôi. Năm 2026, đàn trâu, bò đạt 127.500 con; sản lượng thịt hơi đạt 17.000 tấn.

1.3. Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với quản lý bảo vệ rừng bền vững

Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành lâm nghiệp. Tốc độ tăng trưởng ngành lâm nghiệp đạt trên 5,5%; ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60%.

- *Phát triển rừng gỗ lớn*: *Đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (tập trung chủ yếu tại các địa phương như: Bạch Thông, Ngân Sơn, Chợ Mới, Chợ Đồn, Na Rì, Đông Hỷ, Đại Từ,...)* nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng. Tiếp tục phát triển mở rộng diện tích rừng gỗ lớn và diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh.

- *Quản lý rừng bền vững; phát triển thị trường các - bon rừng*: Nâng cao giá trị sản xuất từ rừng trồng; phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và quản lý, bảo vệ phát triển rừng bền vững. Thực hiện giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp được giao, cho thuê đến chủ rừng. Diện tích trồng rừng đạt 7.500 ha; sản lượng khai thác lâm sản đạt 700.000 m³. Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; nâng cao tỷ lệ sử dụng gỗ nguyên liệu trong tỉnh; khuyến khích dùng gỗ rừng trồng (*đạt tiêu chuẩn FSC*), giảm dần tỷ lệ gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Tiếp tục thực hiện Dự án điều tra trữ lượng rừng, trữ lượng các - bon rừng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; xây dựng kịch bản dự báo tiềm năng phát triển các - bon rừng; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tăng cường năng lực, thông tin cho các bên có liên quan về dịch vụ các - bon rừng, phương thức tạo và trao đổi, thương mại tín chỉ các - bon rừng...

- *Phát triển cây quế*: Hình thành và phát triển vùng trồng quế tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phát triển thương hiệu Quế Thái Nguyên, tập trung tại các địa phương như: Chợ Đồn, Chợ Mới, Na Rì, Định Hoá, Bình Yên, Trung Hội, Phượng Tiến, Phú Đình, Bình Thành, Kim Phượng, Lam Vỹ, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Võ Nhai, Dân Tiến, Tràng Xá...

- *Phát triển cây hời*: Hình thành và phát triển vùng trồng hời tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tập trung tại các địa phương như: Na Rì, Chợ Mới, Bạch Thông,...

1.4. Phát triển thủy sản theo hướng thâm canh, nâng cao giá trị

Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành thủy sản. Tốc độ tăng trưởng ngành thủy sản đạt trên 6,5%. Năm 2026, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 7.470 ha, trong đó sản xuất thủy sản theo hướng hàng hóa tập trung, thâm canh và bán thâm canh chất lượng cao đạt 2.100 ha, tăng thể tích nuôi cá lồng trên các hồ chứa; tổng sản lượng thủy sản năm 2026 đạt 23.100 tấn. Tiếp tục hình thành, phát triển các vùng nuôi thủy sản tập trung; áp dụng công nghệ mới vào sản xuất, tạo ra khối lượng sản phẩm quy mô hàng hóa phục vụ nhu cầu thị trường.

2. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, các sản phẩm OCOP; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, nhất là chế biến tinh, chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp; công nghiệp thu hút nhiều lao động, công nghiệp có giá trị gia tăng cao. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với bảo tồn, khôi phục các ngành, nghề truyền thống và hình thành nghề mới, góp phần tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động ở nông thôn; chú trọng các sản phẩm nông nghiệp phục vụ cho ngành du lịch của tỉnh. Tiếp tục phát triển các sản phẩm OCOP, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Phân đấu phát triển thêm 20 lượt sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên, ít nhất có thêm 01 lượt sản phẩm được chứng nhận OCOP 5 sao quốc gia.

Đa dạng sản phẩm và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ; trong đó, chú trọng ngành dịch vụ nông nghiệp, giáo dục và đào tạo, y tế, thông tin và truyền thông để trở thành các ngành trọng điểm ở nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

3. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành các vùng nguyên liệu hữu cơ, xây dựng thương hiệu sản phẩm

Mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp áp dụng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, an toàn dịch bệnh; phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn được xác nhận gắn với chuyển đổi số trong quản lý, xây dựng thương hiệu, quảng bá, xúc tiến tiêu thụ nông sản và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; tận dụng nền tảng trực tuyến để kết nối tiêu thụ nông sản. Ứng dụng công nghệ IoT, Big Data, sinh học, blockchain trong trồng trọt, chăn nuôi; ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý an toàn thực phẩm nông lâm sản, đồng thời ứng dụng công nghệ GIS và ảnh

viễn thám để thiết kế phần mềm giám sát, phát hiện sớm mất rừng, suy thoái rừng và phần mềm phát hiện sớm, cảnh báo cháy rừng từ ảnh vệ tinh. Khuyến khích xây dựng mô hình ứng dụng của blockchain trong nông nghiệp nhằm thực hiện truy xuất nguồn gốc, giám sát chất lượng an toàn (*tăng cường minh bạch và tin cậy*), thúc đẩy thương mại điện tử, tăng cường hợp tác giữa các bên tham gia chuỗi cung ứng nông nghiệp, từ đó giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh, thúc đẩy phát triển bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp, bảo vệ môi trường và sức khỏe con người.

Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước, khuyến khích xây dựng, công nhận thương hiệu sản phẩm nông sản; xây dựng và triển khai các website thương mại điện tử để quảng bá, mở rộng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm nông sản.

Triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, chuyển đổi số đầu tư vào thu hoạch, bảo quản và chế biến sâu đa dạng các sản phẩm từ nguyên liệu nông nghiệp của tỉnh gắn với công nghiệp chế biến tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng nông sản trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo.

4. Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, dịch vụ sản xuất gắn với chế biến, liên kết sản xuất; phát triển sản xuất gắn với du lịch nông nghiệp (*sinh thái, trải nghiệm, cộng đồng*)

Phát triển thành công ít nhất 02 chuỗi khép kín cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Có tối thiểu 15-30% diện tích sản xuất nông nghiệp hàng hóa được tổ chức liên kết theo chuỗi giá trị; 80% vùng sản xuất nông nghiệp chủ lực tập trung tham gia liên kết bền vững; phấn đấu thành lập mới từ 15 tổ hợp tác, 10 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả gắn với liên kết. Năm 2026, thu hút khoảng 20 doanh nghiệp tham gia chuỗi, trong đó ít nhất 06 doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu. Thu hút trên 04 dự án đầu tư vào chế biến sâu các mặt hàng chủ lực của tỉnh; trong đó tập trung một số dự án như: Nhà máy/cơ sở giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; chế biến dược liệu, chè, quế.

Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch, phát triển thương hiệu nông sản Thái Nguyên trên nền tảng tri thức bản địa, liên kết sản xuất theo chuỗi gắn với du lịch để phát huy lợi thế, nâng cao giá trị cho các sản phẩm của địa phương như trà Tân Cương, lúa nếp Thầu Dầu, nếp Vải, nếp Khẩu Nua Léch, nếp Tài, dược liệu, cây rau, cây hoa; cá nước lạnh, sản phẩm quế, hồi,... Khai thác tiềm năng du lịch cộng đồng bằng việc tổ chức các tour trải nghiệm, các lễ hội văn hóa gắn với các vùng sản xuất đặc sản như: Lễ hội trà, Lễ hội na, Lễ hội quýt, Lễ hội quế,... vừa nâng cao thu nhập, vừa quảng bá hình ảnh Thái Nguyên; tăng cường quảng bá mở rộng thị trường xuất khẩu.

5. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại

Tiếp tục triển khai đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao, bền vững, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và bảo vệ môi trường. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đã đạt; tập trung hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí mới; tăng cường huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực đầu tư; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới; phấn đấu năm 2026 có 19% số xã nông thôn mới. Nhân rộng mô hình nông thôn hiện đại, thôn nông thôn mới, thôn thông minh. Tập trung triển khai thực hiện lập và phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết của từng xã. Đảm bảo 100% số xã hoàn thiện quy hoạch nông thôn vào năm 2026. Tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường xã, đường trục thôn, liên thôn; đường ngõ, xóm; đường nội đồng và các cầu, cống, tràn dân sinh quan trọng...

6. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên nước gắn với bảo tồn đa dạng sinh học. Xây dựng cảnh quan nông thôn gắn với làng, bản sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế từng địa phương, bảo đảm xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của xã hội trong bảo vệ môi trường.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai; thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện chương trình nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa, đê điều, phòng chống thiên tai; bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn, không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông.

7. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn

Phát huy dân chủ, thực thi vai trò chủ thể của nông dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tăng cường đầu tư, đưa công nghiệp, dịch vụ về nông thôn, gắn phát triển kinh tế với đào tạo con người mới ở nông thôn; nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cao. Tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân. Củng cố vững chắc và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học. Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; xây dựng mỗi xã, phường có ít nhất một câu lạc bộ văn hoá, nghệ thuật, thể thao và duy trì hoạt động hiệu quả từ năm 2026.

Duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030*) trên 1,5 điểm%; thu nhập bình quân của người dân nông thôn phân đầu tăng gấp từ 1,2 lần trở lên so với năm 2025; tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định đạt 63%; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20,3%. Cơ bản sắp xếp, bố trí ổn định cho trên 433 hộ dân đang sinh sống ở khu vực ảnh hưởng bởi thiên tai, nguy cơ ảnh hưởng bởi thiên tai, đặc biệt khó khăn (*theo 03 hình thức: tập trung, xen ghép và ổn định tại chỗ*), trong đó ưu tiên hoàn thành sắp xếp 270 hộ dân ra khỏi vùng nguy hiểm bởi thiên tai; đồng thời tiếp tục khảo sát, đánh giá và bổ sung các dự án sắp xếp dân cư trên địa bàn tỉnh; đảm bảo các hộ dân có nơi ở ổn định, với hạ tầng thiết yếu đồng bộ, ổn định sinh kế, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống lâu dài.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân về vai trò phát triển toàn diện khu vực nông thôn trong thời kỳ mới; tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong xã hội, huy động các nguồn lực tham gia thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp; góp phần chuyển đổi tư duy sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp sinh thái, bền vững.

2. Quy hoạch và quản lý quy hoạch

Triển khai thực hiện Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng phát triển của các ngành, các địa phương theo Luật Quy hoạch nhằm phát huy lợi thế các sản phẩm của địa phương, khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của vùng. Bố trí sử dụng đảm bảo quỹ đất phục vụ cho vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa; quỹ đất để di dời người dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, các khu vực có khả năng sạt lở đất có nguy cơ đe dọa tính mạng của người dân.

Hoàn thiện quy hoạch phát triển chăn nuôi; rà soát, chuyển đổi khoảng 1.200 ha đất nông nghiệp kém hiệu quả sang phát triển cây chè, cây ăn quả, cây rau, hoa có giá trị kinh tế cao, cây dược liệu... nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện do UBND cấp xã quản lý chưa thực hiện đo đạc, quy chủ, tiến hành đo đạc và nghiên cứu giao các Ban quản lý rừng ở những nơi có diện tích rừng lớn, tập trung để quản lý; những diện tích nhỏ lẻ, không tập trung nghiên cứu cho các tổ chức kinh tế thuê rừng hoặc giao cho cộng đồng, hộ gia đình quản lý.

3. Cơ chế, chính sách

Tiếp tục thực hiện các chủ trương lớn của Trung ương như Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các Nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị¹. Ban hành Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách khác của Trung ương để tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân.

Xây dựng chính sách tổng thể ngành nông nghiệp, nông thôn nhằm phát triển toàn diện khu vực nông thôn với các chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chính sách đột phá về khoa học công nghệ, chuyển đổi số; chính sách phát triển kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư; du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách tham gia vào thị trường tín chỉ các - bon, thuê dịch vụ môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, phát triển dược liệu trong rừng; cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn; sắp xếp dân cư;... Chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo; chính sách tín dụng ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; bảo trợ xã hội.

Tăng cường thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư, liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả và tính bền vững.

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

4. Khoa học công nghệ, chuyển đổi số

Áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến, các tiêu chuẩn chất lượng để nâng giá trị. Ưu tiên đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực để nghiên cứu, triển khai đồng bộ nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số ngành nông nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện các mô hình sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp, thủy sản công nghệ cao, tuần hoàn, chuỗi giá trị, thông minh (với các sản phẩm chủ lực, đặc sản, dược liệu,...); chuyển giao các kết quả nghiên cứu, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất. Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành nông nghiệp như áp dụng công nghệ hiện đại trong canh tác, sản xuất, liên kết chuỗi giá trị và thay đổi phương thức quản lý. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (*quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, thị trường,...*). Ứng dụng công nghệ, thiết bị mới trong việc quản lý, giám sát tài nguyên rừng, điều tra trữ lượng rừng, đo đếm xác định trữ lượng các - bon. Hoàn thiện dữ liệu đất đai đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống.

5. Nguồn nhân lực

Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn ngành nông nghiệp cấp tỉnh, cấp xã bảo đảm đáp ứng yêu cầu sản xuất; tiếp tục sắp xếp, kiện toàn mạng lưới đơn vị sự nghiệp của ngành đảm bảo hoạt động hiệu quả; đẩy mạnh tự chủ tài chính, đa dạng hóa nguồn thu; nâng cao năng lực chuyên môn và quản trị cho đội ngũ cán bộ gắn với nhu cầu thực tiễn của người dân và địa phương.

Đổi mới công tác tập huấn, đào tạo nghề cho tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân; gắn chương trình, nội dung đào tạo nghề với yêu cầu thực tiễn sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp, chú trọng kỹ năng xây dựng phương án sản xuất, tiếp cận thị trường, liên kết và tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật, đồng thời trang bị kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh.

6. Hợp tác quốc tế và liên kết vùng; xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Thực hiện kết nối hệ thống chế biến, phân phối, bán lẻ hiện đại, truyền thông với các chuỗi cung ứng nông sản và gắn với các vùng chuyên canh, liên kết để đưa nông sản vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước, các sàn thương mại điện tử. Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, thu hút nguồn lực đầu tư và chuyển giao khoa học - công nghệ; tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và Trung ương trong đào tạo nguồn nhân lực, quản lý, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, đổi mới công nghệ, hỗ trợ

năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị, mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của tỉnh như: Chè, gỗ, nấm, các sản phẩm chế biến từ thịt gia súc, gia cầm...

7. Huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công

Khuyến khích thu hút tư nhân đầu tư vào phát triển nông nghiệp; nhà nước chỉ trực tiếp làm những việc mà tư nhân và các tổ chức xã hội không làm được. Nâng cao chất lượng quá trình lựa chọn dự án, tổ chức quản lý, vận hành các dự án có hiệu quả; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng sản xuất tập trung, các cụm dân cư, các khu, vùng ứng dụng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ đầu tư bảo quản sau thu hoạch và công nghệ chế biến nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch. Triển khai thực hiện Đề án phát triển kết cấu hạ tầng các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030. Lòng ghép đa dạng nguồn lực (*ngân sách nhà nước, chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn xã hội hóa,...*) để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, bền vững và có trọng tâm, trọng điểm (*hạ tầng giao thông, điện, trường học, nước sinh hoạt,...*). Tăng cường duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông và các hạ tầng khác sau đầu tư để kéo dài tuổi thọ, nâng cao hiệu quả sử dụng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền và các sở, ngành quán triệt và phổ biến Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030; phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn trong năm 2026; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch này; xác định rõ nội dung, lộ trình, bố trí bảo đảm nguồn lực để triển khai hiệu quả những mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc quán triệt nội dung Kế hoạch đến các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên và Nhân dân bảo đảm đúng quy định.

4. Các Đảng ủy xã, phường tổ chức quán triệt Kế hoạch; tiến hành xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch cụ thể, chi tiết tại địa phương phù hợp với điều kiện thực tế; đồng thời tích cực huy động các nguồn vốn từ ngân sách, các nhà tài trợ và các nguồn vốn từ nhân dân để thực hiện Kế hoạch.

5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh,
- Đảng ủy HĐND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

NVThắng/P.TH/209

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Đăng Bình